TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê;
Ông Lê Văn Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Kim N, sinh năm: 1999;
Cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Kim Y, sinh năm: 1998;
Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Thạch Thị Kim N trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Lê Kim Y tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình chồng ở xã H một thời gian ngắn, sau đó đi làm thuê, làm mướn tại tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 6/2021 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vẫn không sống với nhau được và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân là do bị đơn ghen tuông, cấm đoán vô lý. Do tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn Lê Kim Y vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa. Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2022 tại Công an xã H thể hiện Lê Kim Y vắng mặt tại địa phương và biên bản xác minh ngày 15/12/2021 bà Lê Thị L, sinh năm 1936 là bà nội ruột có cùng địa chỉ với Lê Kim Y có trình bày hiện nay Y đi làm thuê tại Đồng Nai, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn vắng mặt chứ Y không đến Tòa; Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Không biết.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung: Không có nên không đề nghị HĐXX giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Thạch Thị Kim N yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lê Kim Y có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Lê Kim Y, không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Thạch Thị Kim N và bị đơn Lê Kim Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận số 02/2021, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn sống chung với nhau đến tháng 6/2021 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; Gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 07/7/2021 thì vợ chồng làm đơn thuận tình ly hôn, tiếp đến ngày 28/9/2021 vợ chồng ông Y, bà N tiếp tục gửi đơn thuận tình ly hôn đến Tòa án P. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành làm việc thì Lê Kim Y không đến Tòa. Quá trình từ lúc thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Kim Y rất nhiều lần, nhưng ông Y đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy có cơ sở để xác định vợ chồng bà N, ông Y đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Thạch Thị Kim N được ly hôn với bị đơn Lê Kim Y.

[4] Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng nguyên đơn Thạch Thị Kim N và bị đơn Lê Kim Y chưa có con chung. Không có yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thạch Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Thạch Thị Kim N được ly hôn với bị đơn Lê Kim Y.

2. Về con chung: Không có, HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết .

4. Về án phí: Nguyên đơn Thạch Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng

(*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004241 ngày 19/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, nguyên đơn tính từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H
CNKH số 02 ngày 19/01/2021;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*đã ký)*

Trương Thị Thu Hiền